

14h35, 10/6/21
Điền

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 115-21/ĐATS-DSG-ĐT
Về Đề án Tuyển sinh
liên thông đại học năm 2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 06 năm 2021

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2021 TUYỂN SINH LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC

Mã trường: DSG

[A] THÔNG TIN CHUNG

[1] Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các cơ sở và địa chỉ trang thông tin điện tử

- Tên trường: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
- Sứ mệnh: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đa hệ, với các trình độ: cao đẳng, đại học, cao học và nghiên cứu sinh; Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng có phẩm chất đạo đức, tư duy độc lập, sáng tạo, chuyên môn cao, nghiệp vụ giỏi, văn hóa, ngoại ngữ tốt, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
- Địa chỉ: 180 Cao Lỗ, Phường 04, Quận 08, Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ trang thông tin điện tử (website): <http://www.stu.edu.vn>
- Địa chỉ hộp thư điện tử (mail):
 - + Mail Trường: stu@stu.edu.vn
 - + Mail Phòng Đào tạo: phongdaotao@stu.edu.vn
 - + Mail Văn phòng tuyển sinh: vpts@stu.edu.vn

[2] Quy mô đào tạo tính đến ngày 31/12/2020

Khối ngành	Quy mô tại thời điểm 31/12/2020						
	Đại học					Cao đẳng sư phạm	
	Giáo dục chính quy			Giáo dục thường xuyên		Giáo dục chính quy	Giáo dục thường xuyên
	Cao học	Đại học	Liên thông đại học	Đại học	Liên thông đại học		
Khối ngành I	/	/	/	/	/	/	/
Khối ngành II	/	263	2	/	/	/	/
Khối ngành III	/	2107	10	/	/	/	/
Khối ngành IV	/	/	/	/	/	/	/
Khối ngành V	5	2898	63	/	/	/	/
Khối ngành VI	/	/	/	/	/	/	/
Khối ngành VII	/	/	/	/	/	/	/
Tổng cộng:	5	5268	75	/	/	/	/

[B] THÔNG TIN TUYỂN SINH LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC NĂM 2021

[1] Đối tượng tuyển sinh

- Đã tốt nghiệp cao đẳng đúng ngành, ngành gần hoặc ngành tương đương ngành đăng ký học liên thông đại học. *Trường hợp cần thiết, người học phải học bổ sung, chuyển đổi, hoàn chỉnh kiến thức trình độ đại học. Khối lượng học tập bổ sung, chuyển đổi của*

người học do Hội đồng Đào tạo liên thông đại học của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn quyết định trên cơ sở xem xét hồ sơ học tập cao đẳng của người học và chương trình đào tạo đại học. Khối lượng học tập bổ sung, chuyển đổi được thông báo cho người học vào học kỳ đầu tiên của khóa học.

- Thỏa các điều kiện khác theo quy định của quy chế tuyển sinh hiện hành.

[2] **Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

[3] **Phương thức tuyển sinh:** Thi tuyển sinh ba môn.

- Thí sinh dự thi ba môn trong chương trình đào tạo cao đẳng, gồm môn cơ bản, môn cơ sở và môn chuyên ngành.
 - + Môn Cơ bản: Thí sinh chọn một trong hai môn thi Toán cao cấp hoặc Tiếng Anh.
 - + Môn Cơ sở và Chuyên ngành, theo từng ngành cụ thể như sau:

Ngành	Môn Cơ sở	Môn Chuyên ngành
Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử	Kỹ thuật điện	Nguyên lý truyền động cơ khí
Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	Mạch điện	Máy điện
Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông	Mạch điện	Hệ thống viễn thông
Công nghệ thông tin	Kỹ thuật lập trình	Cơ sở dữ liệu
Công nghệ Thực phẩm	Hóa học - hóa sinh thực phẩm	Chất lượng thực phẩm
Quản trị Kinh doanh	Quản trị học	Phân tích hoạt động kinh doanh
Kỹ thuật xây dựng	Sức bền vật liệu	Kết cấu bê tông cốt thép
Thiết kế công nghiệp (MTCN)	Vẽ mỹ thuật hình họa	Lý luận thiết kế

[4] **Ngành và chuyên ngành đào tạo**

Mã ngành	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số quyết định mở ngành hoặc đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành quyết định mở ngành hoặc đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ quyết định hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định	Năm bắt đầu đào tạo	Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	866/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ GD&ĐT	2005	2019
7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	866/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ GD&ĐT	2005	2019
7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	866/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ GD&ĐT	2005	2019
7480201	Công nghệ thông tin	866/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ GD&ĐT	2005	2019
7540101	Công nghệ thực phẩm	866/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ GD&ĐT	2005	2019
7340101	Quản trị kinh doanh (QTKD)	866/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ GD&ĐT	2005	2019
7580201	Kỹ thuật xây dựng	866/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ GD&ĐT	2005	2019
7210402	Thiết kế công nghiệp (TKCN)	866/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ GD&ĐT	2007	2019

[5] **Chỉ tiêu tuyển sinh:**

- (1) Tổng chỉ tiêu là 140 dành cho các ngành đào tạo liên thông đại học chính quy được cấp phép đào tạo từ năm 2005 đến nay.
- (2) Ngoài ra, nhà trường dự kiến dành 300 chỉ tiêu cho các ngành đào tạo liên thông đại học vừa làm vừa học được cấp phép đào tạo từ năm 2005 đến nay.

[6] **Thông tin cần thiết để thí sinh đăng ký thi tuyển vào các ngành của trường**

(1) **Thời gian tuyển sinh:**

a. Trong thời gian tuyển sinh, thí sinh chủ động theo dõi thông tin trên website trường, mục Thông tin tuyển sinh năm 2021 để biết thông tin chi tiết.

b. Thời gian tuyển sinh dự kiến như sau:

- Nhận hồ sơ đăng ký dự thi: **02/08/2021 ÷ 27/08/2021**
- Ôn tập: 06/09/2021 ÷ 26/09/2021
- Nhận giấy báo thi: 27/09/2021 ÷ 01/10/2021
- Thi tuyển sinh: **Thứ Bảy, ngày 09/10/2021**
- Chấm thi: 11/10/2021 ÷ 24/10/2021
- Xử lý - Công bố kết quả: **25/10/2021 ÷ 31/10/2021**
- Nhận đơn xin phúc khảo bài thi: 25/10/2021 ÷ 27/10/2021
- Chấm phúc khảo: 01/11/2021 ÷ 07/11/2021
- Thông báo kết quả phúc khảo: 08/11/2021 ÷ 12/11/2021
- Nhận hồ sơ nhập học: 01/11/2021 ÷ 12/11/2021
- Khai giảng – nhập học chính thức: **Thứ Hai, ngày 15/11/2021**

(2) **Hình thức nhận đăng ký dự thi:**

- Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại trường hoặc gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ văn phòng tuyển sinh.

(3) **Hồ sơ đăng ký dự thi gồm có:**

- Bằng tốt nghiệp cao đẳng hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp cao đẳng (03 bản sao có công chứng);
- Bảng điểm quá trình học cao đẳng (03 bản sao có công chứng);
- Trường hợp thí sinh học liên thông từ trung cấp lên cao đẳng phải nộp bổ sung bằng tốt nghiệp trung cấp và bảng điểm quá trình học trung cấp (01 bản sao có công chứng);
- Bộ hồ sơ tuyển sinh, trong đó: Hồ sơ tuyển sinh - Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của chính quyền địa phương hay cơ quan hiện đang công tác) (xem tại website hoặc nhận tại Văn phòng Tuyển sinh);
- Căn cước công dân, hoặc chứng minh nhân dân (01 bản sao có chứng thực).
- 06 ảnh cỡ 3 x 4 (cm) chụp không quá 06 tháng;

[7] **Lệ phí tuyển sinh:**

- Lệ phí hồ sơ: 50.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Lệ phí đăng ký dự thi: 300.000 đồng/thí sinh

[8] **Học phí đối với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:**

- Học phí dự kiến từ 14.093.200 đồng/học kỳ đến 17.715.500 đồng/học kỳ tùy theo ngành. Một năm thu hai học kỳ.
- Lộ trình tăng học phí tối đa là 10% cho từng năm.

[9] **Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi:**

(1) Địa chỉ Văn phòng Tuyển sinh – Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

- Số 180 Cao Lỗ, Phường 04, Quận 08, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028.38.505520 (số nội bộ: 106; 107; 109; 115; 116)

- Điện thoại đường dây nóng - Hotline: 0902992306
- Website: <http://www.stu.edu.vn>; mục Thông tin tuyển sinh năm 2021
- Mail Phòng Đào tạo: phongdaotao@stu.edu.vn
- Mail Văn phòng tuyển sinh: vpts@stu.edu.vn

(2) Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Lê Thị Ngọc Phương	Thạc sĩ; Trưởng phòng Đào tạo	028.38505520	phuong.lethingoc@stu.edu.vn
2	Hoàng Thị Thu Nguyệt	Thạc sĩ; Phó phòng Đào tạo	028.38505520	nguyet.hoangthithu@stu.edu.vn
3	Ngô Trần Trúc Chi	Kỹ sư, Chuyên viên Phòng Đào tạo	0902992306	chi.ngotrantruc@stu.edu.vn phongdaotao@stu.edu.vn

[C] THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHÍNH

[1] Hoạt động đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục:

- Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đạt chuẩn Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học, Giai đoạn 2018 – 2023 theo Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học số 023/CEAHCM-Tr ngày 04/06/2018 ban hành kèm theo Quyết định 17/QĐ-TTKĐ ngày 04/06/2018 của Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – Đại học Quốc gia TP.HCM.
- Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Thực phẩm đạt chuẩn kiểm định AUN - QA – Giai đoạn 2020 – 2025.

[2] Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

(1) Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 20.000 m²
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên 01 sinh viên chính quy là 4,26 m² /sinh viên.
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 500 chỗ.

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng m ²
1	Hội trường, giảng đường, phòng học, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	142 phòng	12.050
	– Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2 phòng	1.115
	– Phòng học từ 100 – 200 chỗ	22 phòng	2.980
	– Phòng học từ 50 – 100 chỗ	40 phòng	3.319
	– Phòng học dưới 50 chỗ	16 phòng	931
	– Phòng học đa phương tiện	53 phòng	3.435
	– Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	9 phòng	270
2	Thư viện, trung tâm học liệu	6 phòng	686
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	74 phòng	9.937

(2) Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

- Nhà trường hiện có 74 phòng sử dụng làm phòng thực hành, phòng thí nghiệm, xưởng thực tập, studio, xưởng điêu khắc, xưởng vẽ, và các loại phòng thực hành khác; kèm theo các trang thiết bị chi tiết phục vụ cho các bài thực hành, thí nghiệm, và thực tập. Danh sách chi tiết trong phụ lục kèm theo.

(3) Thống kê học liệu (sách, tạp chí, kể cả ebook, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện:

- a. Số lượng sách, tạp chí trong thư viện trường và thư viện khoa/ban chuyên môn

Nhóm ngành đào tạo	Số lượng sách tại Thư viện	Số lượng sách tại Khoa, Ban, Trung tâm	Tổng cộng
Khối ngành II	1.851	0	1.851
Thiết kế Công nghiệp	1.851		1.851
Khối ngành III	2.827	412	3.239
Quản trị Kinh doanh	2.827	412	3.239
Khối ngành V	5.966	988	6.954
Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	554		554
Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử	2.153	263	2.416
Công nghệ Kỹ thuật Điện tử viễn thông	301		301
Công nghệ Thông tin	1.380	322	1.702
Công nghệ Thực phẩm	568	356	924
Kỹ thuật Công trình Xây dựng	1.010	47	1.057
Sách dùng chung	4.643	999	5.642
Tổng cộng	15.287	2.399	17.686

b. Ebook, cơ sở dữ liệu điện tử: Trường mua quyền truy cập 04 cơ sở dữ liệu (CSDL) sau: IEEE; Proquest; Springer; và Thomson Innovation.

[3] Danh sách cán bộ, giảng viên cơ hữu

(1) Tình hình chung

- Tổng số cán bộ, giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy là 259 người.
- Trung bình chung đạt 16,24 sinh viên/giảng viên quy đổi.
- Cán bộ, giảng viên cơ hữu của trường với hơn 91,86% đạt trình độ sau đại học.

(2) Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy.

STT	Khối ngành – Ngành đào tạo	GS-TS GS-TSKH	PGS-TS PGS-TSKH	TS TSKH NSND	Thạc sĩ	Đại học	Tổng
1	Khối ngành II	0	1	3	19	4	27
	Thiết kế Công nghiệp		1	3	19	4	27
2	Khối ngành III	0	1	14	57	1	73
	Quản trị Kinh doanh		1	14	57	1	73
3	Khối ngành V	1	5	22	104	14	146
	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử			5	8	3	16
	Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử			2	8	1	11
	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử viễn thông			1	10		11
	Công nghệ Thông tin			4	38	4	46
	Công nghệ Thực phẩm	1	3	4	16	5	29
	Kỹ thuật Xây dựng		2	6	24	1	33
4	Giảng dạy môn chung	0	0	0	11	2	13
	Kiến thức Giáo dục đại cương			0	11	2	13
	Tổng chung	1	7	39	191	21	259

[4] Danh sách cán bộ, giảng viên thỉnh giảng

Ngoài danh sách cán bộ, giảng viên cơ hữu, nhà trường có thể mời thỉnh giảng hàng trăm giảng viên, cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật đến từ các học viện, đại học, viện nghiên cứu và các doanh nghiệp trong cả nước để sinh viên có cơ hội học tập, làm việc với đội ngũ giảng viên, chuyên gia có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm.

[5] Tình hình tốt nghiệp và có việc làm

(1) Số lượng sinh viên tốt nghiệp và hiệu suất đào tạo

- Tính đến nay, qua 23 năm đào tạo, Trường đã tuyển được 22 khóa cao đẳng, 17 khóa đại học, 16 khóa liên thông đại học và 10 khóa trung cấp. Đào tạo được 17.709 kỹ sư/cử nhân đại học, 11.198 kỹ sư/cử nhân cao đẳng và 1.819 người tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp. Trong đó, 30.292 người tốt nghiệp hệ chính quy tập trung và 433 người tốt nghiệp hệ vừa làm vừa học.
- Tùy theo loại hình, bậc và ngành đào tạo, hiệu suất đào tạo đạt tỷ lệ 70 – 80% (tỷ lệ % số sinh viên tốt nghiệp trên số tuyển đầu vào học năm thứ nhất)

(2) Tình hình sinh viên tốt nghiệp và có việc làm

- Tình hình có việc làm của sinh viên tốt nghiệp.
 - Số sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau thời gian 02 tháng là 60 - 65% (Khảo sát tình hình có việc làm của sinh viên tốt nghiệp vào tháng 08 - 10 hàng năm khi sinh viên làm thủ tục ra trường và nhận bằng tốt nghiệp);
 - Số sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau thời gian 12 tháng là 90 - 97% ;
 - Trong đó, số người có việc phù hợp ngành đào tạo chiếm hơn 60%.
- Thống kê chi tiết sinh viên tốt nghiệp và có việc làm của hai khóa gần nhất:

Nhóm ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh chung	Số SV nhập học	Số SV tốt nghiệp (*)	Số SV tốt nghiệp có việc làm sau 12 tháng (**)
Khóa tuyển sinh 2015	2.000	2.266	1.088	
- Đại học Khối ngành II		101	57	> 94%
- Đại học Khối ngành III		646	412	> 96%
- Đại học Khối ngành V		1519	619	> 95%
Khóa tuyển sinh 2016	2.200	1.792	640	
- Đại học Khối ngành II		64	26	> 90%
- Đại học Khối ngành III		656	328	> 90%
- Đại học Khối ngành V		1.072	286	> 92%

(*) Khóa 2015, 2016 còn tiếp tục được xét tốt nghiệp thêm một, hai đợt nữa.

(**) Số sinh viên có việc làm được tính trên số có việc và số phản hồi.

[6] Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp năm 2020 của trường: 132.700.990.830 đồng (bằng chữ: Một trăm ba mươi hai tỷ bảy trăm triệu chín trăm chín mươi ngàn tám trăm ba mươi đồng).
- Tổng chi phí đào tạo trung bình của một sinh viên trong một năm của năm 2020 là 22.000.000 đồng/sinh viên/năm (bằng chữ: hai mươi triệu đồng); không bao gồm các khoản chi khác (cơ sở vật chất, nhà xưởng và trả lãi ngân hàng).

Trên đây là Đề án tuyển sinh liên thông đại học năm 2021 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT
- Hội đồng Tuyển sinh LTDH;
- Trang thông tin điện tử website;
- Lưu Phòng HCQT; Lưu PĐT; NP (5)

